

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT GUVIET
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT GUVIET

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703039454

3. Ngày thành lập: 25/02/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

29/14 KP Tây B, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0974110102

Fax:

Email: info@guviet.com.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới.	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở)	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (không hoạt động tại trụ sở)	4659
13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
15.	Trồng lúa	0111
16.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112

Thời gian đăng từ ngày 25/02/2022 đến ngày 27/03/2022

17.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
18.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
19.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
20.	Trồng cây hàng năm khác	0119
21.	Trồng cây ăn quả	0121
22.	Trồng cây điều	0123
23.	Trồng cây hồ tiêu	0124
24.	Trồng cây cao su	0125
25.	Trồng cây cà phê	0126
26.	Trồng cây chè	0127
27.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
28.	Trồng cây lâu năm khác	0129
29.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
30.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
31.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
32.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
33.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
34.	Chăn nuôi gia cầm	0146
35.	Chăn nuôi khác	0149
36.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
37.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
38.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
39.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
40.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
41.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
42.	Khai thác và thu gom than cứng Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở	0510
43.	Khai thác và thu gom than non Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở	0520
44.	Khai thác quặng sắt Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở	0710
45.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
47.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
48.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
49.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
50.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820

51.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
52.	Hoạt động thú y	7500
53.	Cho thuê xe có động cơ	7710
54.	Bán buôn tổng hợp	4690
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
56.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
57.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
58.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
59.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
60.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
61.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
62.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở	0722
63.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở	0810
64.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở	0891
65.	Khai thác và thu gom than bùn Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở	0892
66.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
67.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
68.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
69.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
70.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
71.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
72.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
73.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
74.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
75.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
76.	Sản xuất chè	1076
77.	Sản xuất cà phê	1077
78.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
79.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
80.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
81.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
82.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
83.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
84.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012

85.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (không hoạt động tại trụ sở)	2100
86.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
87.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
88.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
89.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
90.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
91.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
92.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
93.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
94.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
95.	Vận tải đường ống	4940
96.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
97.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
98.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
99.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
100.	Bốc xếp hàng hóa	5224
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)	5229
102.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
103.	Cơ sở lưu trú khác	5590
104.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
105.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
106.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
107.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630
108.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
109.	Đại lý du lịch	7911
110.	Điều hành tua du lịch	7912
111.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
112.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
113.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
114.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

115.	Xây dựng nhà để ở	4101
116.	Xây dựng nhà không để ở	4102
117.	Phá dỡ	4311
118.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
119.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
120.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
121.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VÕ HỮU LỢI	Xóm 1, Thôn Đồi Giang, Xã Đức Thuận, Huyện Tân Linh, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	68.000	680.000.000	34,000	0600800052 27	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	68.000	680.000.000	34,000		

2	BÙI DUY PHƯƠNG	Tổ 9, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	44.000	440.000.000	22,000	087087015892
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	44.000	440.000.000	22,000	
3	HỒ SỸ PHÙNG	Ấp 8, Xã Thừa Đức, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	44.000	440.000.000	22,000	272713515
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	44.000	440.000.000	22,000	
4	VŨ THÁI HIỆP	Ấp Qui Lân 6, Xã Thạnh Quới, Huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	44.000	440.000.000	22,000	092089002070
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	44.000	440.000.000	22,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI DUY PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087087015892

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính
về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 9, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 9, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt
Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương